

Bản án số: 04 /2023/HNGĐ - ST  
Ngày 27 tháng 3 năm 2023  
V/v: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con  
khi ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA- THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lữ Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vi Ngọc Trung, bà Hà Thị Hiền

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa;

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa:***  
bà Phạm Thị Phương- Kiểm sát viên;

Vào ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân - gia đình thụ lý số 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân – gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** Chị Lương Thị Th - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: bản M, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th

***-Bị đơn:*** Anh Hà Vũ Đình K – Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Làng Ch, phường Th, TP P, tỉnh Gi.

(Các đương sự đều vắng mặt có lý do và có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 01 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Lương Thị Th trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị Lương Thị Th và anh Hà Vũ Đình Kh xây dựng gia đình với nhau từ năm 2010, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép

buộc; được hai bên gia đình tổ chức tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 28/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Th Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại bản M, xã Ph, huyện Q. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng năm 2012, thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Tuy hai bên gia đình đã nhiều lần dàn xếp hòa giải nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân, anh Kh chuyển đến sinh sống tại làng Ch, phường Th, TP P, tỉnh Gi từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, Nguyên đơn xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; đời sống chung kéo dài cũng chỉ làm khổ nhau. Do đó, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

*Về con chung:* Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung: cháu Hà Văn Tr sinh ngày 10/10/2011, hiện cháu Tr đang sống cùng với mẹ. Nguyên vọng của cháu là ở cùng với mẹ. Nay ly hôn, Nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr, không yêu cầu anh Kh trợ cấp nuôi con chung.

*Về tài sản và công nợ chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn anh Hà Vũ Đình Kh trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh thống nhất với phần trình bày về quá trình kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân, mức độ phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với Nguyên đơn

*Về con chung:* Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung: cháu Hà Văn Tr sinh ngày 10/10/2011, hiện cháu Tr đang sống cùng với mẹ. Nguyên vọng của cháu là ở cùng với mẹ. Nay ly hôn, Bị đơn nhất trí để cho Nguyên đơn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr.

Tại bản nguyện vọng của cháu Hà Văn Tr có nguyện vọng được ở với mẹ.

*Về tài sản và công nợ:* Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 01 /02 /2023 của Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa tiến hành xác minh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng được thể hiện như sau: Chị Th và anh Kh kết hôn với nhau vào tháng 6 năm 2010 tại UBND xã C, huyện B, sau

khi lấy nhau vợ chồng sinh sống tại bản M, xã Ph. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau nên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Chính quyền địa phương và hai bên gia đình đã nhiều lần can thiệp, động viên, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

*Quan điểm của Viện Kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót, vi phạm gì;

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 điều 208, điều 273, điều 27, điều 282 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 8, điều 9, khoản 1 điều 51, Điều 56, điều 57, điều 58, điều 68, điều 69, điều 71, điều 71, điều 72, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân gia đình

Khoản 1 điều 4, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Lương Thị Thuỳ.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị Th được ly hôn với anh Hà Vũ Đình Kh.

-Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 56, 57, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân – gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu, xem xét, đánh giá toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

***Về thủ tục tố tụng:***

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Hà Vũ Đình Kh có nơi cư trú tại Làng Ch, phường Th, TP P, tỉnh Gi. Tuy nhiên chị Lương Thị Th và anh Hà Vũ Đình Kh có đơn thoả thuận sự lựa chọn Toà án nhân dân huyện Quan Hoá, Thanh

Hoá nơi cư trú của Nguyên đơn Lương Thị Th giải quyết vụ án. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm b, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] *Xét quan hệ tranh chấp*: Chị Lương Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với anh Hà Vũ Đình Kh. Đây là tranh chấp về hôn nhân - gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] *Xét việc vắng mặt của các đương sự*: Tại phiên tòa, Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt; HĐXX căn cứ quy định tại Điều 238 BLTTDS và các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

### ***Về hôn nhân:***

[04] *Xét yêu cầu xin ly hôn*:

Chị Lương Thị Th và anh Hà Vũ Đình Kh xây dựng gia đình với nhau từ năm 2010, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 28/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Th. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng năm 2012, thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Tuy hai bên gia đình đã nhiều lần dàn xếp hòa giải nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân, anh Kh chuyển đến sinh sống tại làng Ch, phường Th, TP P, tỉnh Gi từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Phần trình bày của các đương sự phù hợp với Đơn đề nghị của Nguyên đơn (có xác nhận của UBND xã và ban quản lý thôn bản)

[05] Như vậy, đủ cơ sở để nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, với tính chất nghiêm trọng. Tình cảm vợ chồng đã hết; mục đích hôn nhân không còn đạt được; đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, cần căn cứ quy định tại Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; giải quyết cho vợ chồng chị Lương Thị Th và anh Hà Vũ Đình Kh ly hôn với nhau. Yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

### ***Về con chung:***

[06] Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung: cháu Hà Văn Tr ngày 10/10/2011; hiện cháu đang sống cùng với mẹ. Nguyên vọng của cháu Tr là ở cùng với mẹ. Nay ly hôn, Bị đơn đồng ý để cháu tiếp tục sống cùng với mẹ. Không yêu cầu trợ cấp nuôi con chung.

[07] Căn cứ các điều 82, 83 Luật hôn nhân- gia đình; xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con nên được HĐXX ghi nhận.

### ***Về các vấn đề khác trong vụ án***

[08] *Về tài sản và công nợ:* Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[09] Tại giấy đăng ký kết hôn số 42 ngày 28/6/2010 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Th, tên chồng anh Hà Văn Kh sinh ngày 10/5/1990. Nay trong các giấy tờ tùy thân giấy chứng minh nhân dân mang tên Hà Vũ Đình Kh. Qua lời trình bày của anh Hà Vũ Đình Kh, sau khi vợ chồng ly thân năm 2015 anh chuyển đến sinh sống với mẹ đẻ và bố dượng tại TP P, tỉnh Gi và khai họ và tên đệm của bố dượng ông Vũ Đình T. Qua xác minh tại UBND xã B huyện B tỉnh Thanh Hoá xác nhận tên anh Hà Văn Kh và Hà Vũ Đình Kh là một người anh Hà Văn Kh như trong giấy đăng lý kết hôn số 42 ngày 28/6/2010.

[10] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân – gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc niêm yết.

### ***Vì các lẽ trên,***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 điều 208, điều 273, điều 27, điều 282 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 8, điều 9, khoản 1 điều 51, Điều 56, điều 57, điều 58, điều 68, điều 69, điều 71, điều 72, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân gia đình

Khoản 1 điều 4, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. *Về hôn nhân*: Xử cho Nguyên đơn chị Lương Thị Th ly hôn với và Bị đơn anh Hà Vũ Đình Kh.

2. *Về con chung*: Giao cháu Hà Văn Tr sinh ngày 10/10/2011 cho nguyên đơn chị Lương Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. không yêu cầu trợ cấp nuôi con chung.

Bị đơn Hà Vũ Đình Kh có quyền đi lại, thăm nom con cái không ai được cản trở. Vì lợi ích của con cái; các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. *Về tài sản và công nợ*: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0012826 ngày 01/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai; các đương sự vắng mặt có lý do. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc niêm yết./.

### Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Quan Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã C, huyện B;
- UBND xã Ph;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- Lưu HSVA

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lữ Thị Mai**